|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS- THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH**  **Họ tên:……………………………………………..**  **Lớp: ……………………………………………….** | | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC (2022-2023)**  **Môn thi: Vật Lý 11 CB.**  **Thời gian: 45 phút. Đề 134** |
| Chữ kí giám thị : | Chữ kí giám khảo: | Điểm: |

**I. Trắc nghiệm:**

**Trả lời câu hỏi trắc nghiệm vào bảng sau:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Trả lời** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Trả lời** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Câu 1:** Hiện tượng tự cảm **không** xảy ra trong trường hợp :

**A.** Dòng điện xoay chiều qua ống dây **B.** Dòng điện không đổi qua ống dây

**C.** Dòng điện biến đổi qua ống dây **D.** Ngắt dòng điện không đổi qua ống dây.

**Câu 2:** Chiếu một tia sáng tới một mặt bên của lăng kính thì :

**A.** đường đi của tia sáng đối xứng qua mặt phân giác của góc ở đỉnh.

**B.** tia ló lệch về phía đáy của lăng kính.

**C.** luôn luôn có tia sáng ló ra ở mặt bên thứ hai của lăng kính.

**D.** tia ló lệch về phía đỉnh của lăng kính.

**Câu 3:** Chiều của lực từ tác dụng lên đoạn dây dẫn mang dòng điện, thường được xác định bằng quy tắc:

**A.** bàn tay trái. **B.** vặn đinh ốc 2.

**C.** bàn tay phải. **D.** vặn đinh ốc 1.

**Câu 4:** Phát biểu nào sau đây là **không** đúng? Người ta nhận ra từ trường tồn tại xung quanh dây dẫn mang dòng điện vì:

**A.** có lực tác dụng lên một dòng điện khác đặt song song cạnh nó.

**B.** có lực tác dụng lên một kim nam châm đặt song song cạnh nó.

**C.** có lực tác dụng lên một hạt mang điện chuyển động dọc theo nó.

**D.** có lực tác dụng lên một hạt mang điện đứng yên đặt bên cạnh nó.

**Câu 5:** Công thức nào sau đây tính cảm ứng từ tại tâm của vòng dây tròn có bán kính R mang dòng điện I:

**A.** B = 2.10-7I/R **B.** B = 2π.10-7I/R

**C.** B = 2π.10-7I.R **D.** B = 4π.10-7I/R.

**Câu 6:** Đặc trưng cho từ trường tại một điểm là:

**A.** lực tác dụng lên một đoạn dây nhỏ có dòng điện đặt tại điểm đó

**B.** đường cảm ứng từ đi qua điểm đó

**C.** hướng của nam châm thử đặt tại điểm đó

**D.** Vectơ cảm ứng từ tại điểm đó.

**Câu 7:** Lực Lơrenxơ là lực do từ trường tác dụng lên

**A.** ống dây **B.** dòng điện. **C.** hạt mang điện chuyển động. **D.** nam châm

**Câu 8:** Đơn vị của từ thông là:

**A.** vêbe(Wb) **B.** vôn(V) **C.** henri(H) **D.** tesla(T)

**Câu 9:** Ánh sáng mặt trời truyền qua khí quyển đến mắt người quan sát ở bề mặt trái đất theo đường nào kể sau?

**A.** Theo đường thẳng **B.** Theo đường gợn sóng hình khúc

**C.** Theo đường gẫy khúc **D.** Theo đường hơi cong

**Câu 10:** Công thức nào sau đây là *sai* khi tính độ phóng đại dài của ảnh qua thấu kính?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 11:** Theo định luật Lenxơ, dòng điện cảm ứng:

**A.** xuất hiện khi trong quá trình mạch kín chuyển động luôn có thành phần vận tốc song song với đường sức từ

**B.** xuất hiện khi trong quá trình mạch kín chuyển động luôn có thành phần vận tốc vuông góc với đường sức từ

**C.** có chiều sao cho từ trường của nó chống lại nguyên nhân sinh ra nó

**D.** có chiều sao cho từ trường của nó chống lại nguyên nhân làm mạch điện chuyển động.\

**Câu 12:** Người ta vận dụng định luật truyền thẳng của ánh sáng vào việc giải thích hiện tượng

**A.** Đảo sắc của vạch phổ. **B.** Xảy ra trong sợi quang học.

**C.** Tán sắc ánh sáng. **D.** Nhật thực và nguyệt thực.

**Câu 13:** Người ta tăng góc tới của một tia sáng chiếu lên mặt của một chất lỏng lên gấp 2 lần, góc khúc xạ của tia sáng đó?

**A.** Tăng gấp hơn 2 lần

**B.** Tăng ít hơn 2 lần

**C.** Cũng tăng gấp 2 lần.

**D.** Tăng nhiều hơn hay ít hơn 2 lần là tùy thuộc vào chiết suất của chất lỏng đó nhỏ hay lớn

**Câu 14:** Tại sao vào những ngày nắng nóng, khi đi trên xa lộ bằng ô tô hoặc xe máy nhìn lên phía trước, ta có cảm giác mặt đường bị ướt giống như sau cơn mưa, hoặc tại đó xuất hiện những vũng nước, trên đó có thể nhìn thấy phản xạ của bầu trời hoặc phong cảnh xung quanh. Hiện tượng này xuất hiện là do?

**A.** Phản xạ toàn phần của lớp nhựa đường phủ trên xa lộ

**B.** Khúc xạ của ánh sáng mặt trời qua lớp không khí bị đốt nóng ở phía trên mặt đường

**C.** Khúc xạ của các tia sáng qua mặt đường.

**D.** Phản xạ toàn phần đã xảy ra từ lớp không khí bị đốt nóng (do bực xạ nhiệt) nằm sát mặt đường

**Câu 15:** Điều kiện đủ để xảy ra hiện tượng phản xạ toàn phần là gì?

**A.** Góc tới lớn hơn hoặc bằng góc giới hạn phản xạ toàn phần.

**B.** Góc tới bằng góc giới hạn phản xạ toàn phần.

**C.** Góc tới nhỏ hơn góc giới hạn phản xạ toàn phần.

**D.** Tia sáng đi từ môi trường chiết quang sang môi trường kém chiết quang.

**Câu 16:** Các đường sức từ của dòng điện thẳng dài có dạng là các đường:

**A.** thẳng vuông góc với dòng điện

**B.** tròn đồng tâm vuông góc với dòng điện

**C.** tròn đồng tâm vuông góc với dòng điện, tâm trên dòng điện

**D.** tròn vuông góc với dòng điện.

**Câu 17:** Ảnh của một vật qua thấu kính hội tụ

**A.** có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn vật **B.** luôn lớn hơn vật.

**C.** luôn cùng chiều với vật. **D.** luôn nhỏ hơn vật.

**Câu 18:** Góc lệch của tia sáng khi truyền qua lăng kính là góc tạo bởi

**A.** hai mặt bên của lăng kính. **B.** tia ló và pháp tuyến.

**C.** tia tới lăng kính và tia ló ra khỏi lăng kính. **D.** tia tới và pháp tuyến.

**Câu 19:** Độ lớn của suất điện động cảm ứng trong một mạch kín được xác định theo công thức:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 20:** Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

**A.** Vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn cho ảnh thật ngược chiều và lớn hơn vật.

**B.** Vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn cho ảnh ảo cùng chiều và nhỏ hơn vật.

**C.** Vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn cho ảnh ảo cùng chiều và lớn hơn vật.

**D.** Vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn cho ảnh thật ngược chiều và nhỏ hơn vật.

**II. Tự luận:**

1. Một khung dây có diện tích 40cm2, gồm 100 vòng dây, đặt trong một từ trường đều có cảm ứng từ B = 0,3T có vectơ cảm ứng từ hợp với mặt phẳng khung dây một góc 300. Tính từ thông gửi qua khung dây?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

1. Chiếu một tia sáng đi từ không khí tới môi trường có chiết suất n = 4/3 dưới góc tới i = 60o thì góc lệch giữa tia ló và tia tới là bao nhiêu?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

1. Một thấu kính hội tụ có tiêu cự 20cm. Một đoạn sáng AB = 2cm đặt vuông góc với trục chính (A trên trục chính), cách thấu kính 1 đoạn 40cm.

a) Xác định vị trí, tính chất của ảnh?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

b) Xác định độ lớn, chiều của ảnh?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

1. Đặt vật sáng nhỏ AB vuông góc trục chính của thấu kính có độ lớn tiêu cự 15 cm, cho ảnh ảo cao bằng nửa vật. Tìm vị trí vật ?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS- THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH**  **Họ tên:……………………………………………..**  **Lớp: ……………………………………………….** | | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC (2022-2023)**  **Môn thi: Vật Lý 11 CB.**  **Thời gian: 45 phút. Đề 210** |
| Chữ kí giám thị : | Chữ kí giám khảo: | Điểm: |

**I. Trắc nghiệm:**

**Trả lời câu hỏi trắc nghiệm vào bảng sau:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Trả lời** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Trả lời** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Câu 1:** Công thức nào sau đây tính cảm ứng từ tại tâm của vòng dây tròn có bán kính R mang dòng điện I:

**A.** B = 2.10-7I/R **B.** B = 2π.10-7I.R

**C.** B = 2π.10-7I/R **D.** B = 4π.10-7I/R.

**Câu 2:** Ánh sáng mặt trời truyền qua khí quyển đến mắt người quan sát ở bề mặt trái đất theo đường nào kể sau?

**A.** Theo đường hơi cong **B.** Theo đường gợn sóng hình khúc

**C.** Theo đường thẳng **D.** Theo đường gẫy khúc

**Câu 3:** Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

**A.** Vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn cho ảnh thật ngược chiều và lớn hơn vật.

**B.** Vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn cho ảnh ảo cùng chiều và nhỏ hơn vật.

**C.** Vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn cho ảnh ảo cùng chiều và lớn hơn vật.

**D.** Vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn cho ảnh thật ngược chiều và nhỏ hơn vật.

**Câu 4:** Theo định luật Lenxơ, dòng điện cảm ứng:

**A.** xuất hiện khi trong quá trình mạch kín chuyển động luôn có thành phần vận tốc vuông góc với đường sức từ

**B.** xuất hiện khi trong quá trình mạch kín chuyển động luôn có thành phần vận tốc song song với đường sức từ

**C.** có chiều sao cho từ trường của nó chống lại nguyên nhân làm mạch điện chuyển động.\

**D.** có chiều sao cho từ trường của nó chống lại nguyên nhân sinh ra nó

**Câu 5:** Người ta vận dụng định luật truyền thẳng của ánh sáng vào việc giải thích hiện tượng

**A.** Tán sắc ánh sáng. **B.** Nhật thực và nguyệt thực.

**C.** Xảy ra trong sợi quang học. **D.** Đảo sắc của vạch phổ.

**Câu 6:** Độ lớn của suất điện động cảm ứng trong một mạch kín được xác định theo công thức:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 7:** Đơn vị của từ thông là:

**A.** tesla(T) **B.** vôn(V) **C.** henri(H) **D.** vêbe(Wb)

**Câu 8:** Điều kiện đủ để xảy ra hiện tượng phản xạ toàn phần là gì?

**A.** Góc tới bằng góc giới hạn phản xạ toàn phần.

**B.** Góc tới lớn hơn hoặc bằng góc giới hạn phản xạ toàn phần.

**C.** Góc tới nhỏ hơn góc giới hạn phản xạ toàn phần.

**D.** Tia sáng đi từ môi trường chiết quang sang môi trường kém chiết quang.

**Câu 9:** Chiếu một tia sáng tới một mặt bên của lăng kính thì :

**A.** luôn luôn có tia sáng ló ra ở mặt bên thứ hai của lăng kính.

**B.** tia ló lệch về phía đỉnh của lăng kính.

**C.** đường đi của tia sáng đối xứng qua mặt phân giác của góc ở đỉnh.

**D.** tia ló lệch về phía đáy của lăng kính.

**Câu 10:** Hiện tượng tự cảm **không** xảy ra trong trường hợp :

**A.** Dòng điện xoay chiều qua ống dây **B.** Ngắt dòng điện không đổi qua ống dây.

**C.** Dòng điện không đổi qua ống dây **D.** Dòng điện biến đổi qua ống dây

**Câu 11:** Tại sao vào những ngày nắng nóng, khi đi trên xa lộ bằng ô tô hoặc xe máy nhìn lên phía trước, ta có cảm giác mặt đường bị ướt giống như sau cơn mưa, hoặc tại đó xuất hiện những vũng nước, trên đó có thể nhìn thấy phản xạ của bầu trời hoặc phong cảnh xung quanh. Hiện tượng này xuất hiện là do?

**A.** Khúc xạ của các tia sáng qua mặt đường.

**B.** Phản xạ toàn phần đã xảy ra từ lớp không khí bị đốt nóng (do bực xạ nhiệt) nằm sát mặt đường

**C.** Phản xạ toàn phần của lớp nhựa đường phủ trên xa lộ

**D.** Khúc xạ của ánh sáng mặt trời qua lớp không khí bị đốt nóng ở phía trên mặt đường

**Câu 12:** Người ta tăng góc tới của một tia sáng chiếu lên mặt của một chất lỏng lên gấp 2 lần, góc khúc xạ của tia sáng đó?

**A.** Tăng gấp hơn 2 lần **B.** Tăng ít hơn 2 lần

**C.** Cũng tăng gấp 2 lần

**D.** Tăng nhiều hơn hay ít hơn 2 lần là tùy thuộc vào chiết suất của chất lỏng đó nhỏ hay lớn

**Câu 13:** Phát biểu nào sau đây là **không** đúng? Người ta nhận ra từ trường tồn tại xung quanh dây dẫn mang dòng điện vì:

**A.** có lực tác dụng lên một kim nam châm đặt song song cạnh nó.

**B.** có lực tác dụng lên một hạt mang điện đứng yên đặt bên cạnh nó.

**C.** có lực tác dụng lên một hạt mang điện chuyển động dọc theo nó.

**D.** có lực tác dụng lên một dòng điện khác đặt song song cạnh nó.

**Câu 14:** Góc lệch của tia sáng khi truyền qua lăng kính là góc tạo bởi

**A.** hai mặt bên của lăng kính. **B.** tia ló và pháp tuyến.

**C.** tia tới lăng kính và tia ló ra khỏi lăng kính. **D.** tia tới và pháp tuyến.

**Câu 15:** Các đường sức từ của dòng điện thẳng dài có dạng là các đường:

**A.** thẳng vuông góc với dòng điện **B.** tròn đồng tâm vuông góc với dòng điện

**C.** tròn đồng tâm vuông góc với dòng điện, tâm trên dòng điện

**D.** tròn vuông góc với dòng điện.

**Câu 16:** Ảnh của một vật qua thấu kính hội tụ

**A.** có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn vật **B.** luôn lớn hơn vật.

**C.** luôn cùng chiều với vật. **D.** luôn nhỏ hơn vật.

**Câu 17:** Đặc trưng cho từ trường tại một điểm là:

**A.** Vectơ cảm ứng từ tại điểm đó. **B.** hướng của nam châm thử đặt tại điểm đó

**C.** lực tác dụng lên một đoạn dây nhỏ có dòng điện đặt tại điểm đó

**D.** đường cảm ứng từ đi qua điểm đó

**Câu 18:** Chiều của lực từ tác dụng lên đoạn dây dẫn mang dòng điện, thường được xác định bằng quy tắc:

**A.** bàn tay trái. **B.** vặn đinh ốc 1.

**C.** bàn tay phải. **D.** vặn đinh ốc 2.

**Câu 19:** Công thức nào sau đây là *sai* khi tính độ phóng đại dài của ảnh qua thấu kính?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 20:** Lực Lơrenxơ là lực do từ trường tác dụng lên

**A.** ống dây **B.** dòng điện.

**C.** hạt mang điện chuyển động. **D.** nam châm

**II. Tự luận:**

1. Một khung dây có diện tích 40cm2, gồm 100 vòng dây, đặt trong một từ trường đều có cảm ứng từ B = 0,3T có vectơ cảm ứng từ hợp với mặt phẳng khung dây một góc 300. Tính từ thông gửi qua khung dây?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

1. Chiếu một tia sáng đi từ không khí tới môi trường có chiết suất n = 4/3 dưới góc tới i = 60o thì góc lệch giữa tia ló và tia tới là bao nhiêu?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

1. Một thấu kính hội tụ có tiêu cự 20cm. Một đoạn sáng AB = 2cm đặt vuông góc với trục chính (A trên trục chính), cách thấu kính 1 đoạn 40cm.

a) Xác định vị trí, tính chất của ảnh?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

b) Xác định độ lớn, chiều của ảnh?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

1. Đặt vật sáng nhỏ AB vuông góc trục chính của thấu kính có độ lớn tiêu cự 15 cm, cho ảnh ảo cao bằng nửa vật. Tìm vị trí vật ?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS- THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH**  **Họ tên:……………………………………………..**  **Lớp: ……………………………………………….** | | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC (2022-2023)**  **Môn thi: Vật Lý 11 CB.**  **Thời gian: 45 phút. Đề 356** |
| Chữ kí giám thị : | Chữ kí giám khảo: | Điểm: |

**I. Trắc nghiệm:**

**Trả lời câu hỏi trắc nghiệm vào bảng sau:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Trả lời** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Trả lời** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Câu 1:** Lực Lơrenxơ là lực do từ trường tác dụng lên

**A.** ống dây **B.** nam châm

**C.** dòng điện. **D.** hạt mang điện chuyển động.

**Câu 2:** Chiếu một tia sáng tới một mặt bên của lăng kính thì :

**A.** tia ló lệch về phía đỉnh của lăng kính.

**B.** luôn luôn có tia sáng ló ra ở mặt bên thứ hai của lăng kính.

**C.** tia ló lệch về phía đáy của lăng kính.

**D.** đường đi của tia sáng đối xứng qua mặt phân giác của góc ở đỉnh.

**Câu 3:** Độ lớn của suất điện động cảm ứng trong một mạch kín được xác định theo công thức:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 4:** Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

**A.** Vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn cho ảnh thật ngược chiều và nhỏ hơn vật.

**B.** Vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn cho ảnh ảo cùng chiều và nhỏ hơn vật.

**C.** Vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn cho ảnh thật ngược chiều và lớn hơn vật.

**D.** Vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn cho ảnh ảo cùng chiều và lớn hơn vật.

**Câu 5:** Tại sao vào những ngày nắng nóng, khi đi trên xa lộ bằng ô tô hoặc xe máy nhìn lên phía trước, ta có cảm giác mặt đường bị ướt giống như sau cơn mưa, hoặc tại đó xuất hiện những vũng nước, trên đó có thể nhìn thấy phản xạ của bầu trời hoặc phong cảnh xung quanh. Hiện tượng này xuất hiện là do?

**A.** Phản xạ toàn phần đã xảy ra từ lớp không khí bị đốt nóng (do bực xạ nhiệt) nằm sát mặt đường

**B.** Khúc xạ của ánh sáng mặt trời qua lớp không khí bị đốt nóng ở phía trên mặt đường

**C.** Phản xạ toàn phần của lớp nhựa đường phủ trên xa lộ

**D.** Khúc xạ của các tia sáng qua mặt đường.

**Câu 6:** Đơn vị của từ thông là:

**A.** tesla(T) **B.** vôn(V) **C.** henri(H) **D.** vêbe(Wb)

**Câu 7:** Điều kiện đủ để xảy ra hiện tượng phản xạ toàn phần là gì?

**A.** Góc tới bằng góc giới hạn phản xạ toàn phần.

**B.** Góc tới lớn hơn hoặc bằng góc giới hạn phản xạ toàn phần.

**C.** Góc tới nhỏ hơn góc giới hạn phản xạ toàn phần.

**D.** Tia sáng đi từ môi trường chiết quang sang môi trường kém chiết quang.

**Câu 8:** Người ta vận dụng định luật truyền thẳng của ánh sáng vào việc giải thích hiện tượng

**A.** Xảy ra trong sợi quang học. **B.** Tán sắc ánh sáng.

**C.** Nhật thực và nguyệt thực. **D.** Đảo sắc của vạch phổ.

**Câu 9:** Phát biểu nào sau đây là **không** đúng? Người ta nhận ra từ trường tồn tại xung quanh dây dẫn mang dòng điện vì:

**A.** có lực tác dụng lên một kim nam châm đặt song song cạnh nó.

**B.** có lực tác dụng lên một hạt mang điện đứng yên đặt bên cạnh nó.

**C.** có lực tác dụng lên một hạt mang điện chuyển động dọc theo nó.

**D.** có lực tác dụng lên một dòng điện khác đặt song song cạnh nó.

**Câu 10:** Người ta tăng góc tới của một tia sáng chiếu lên mặt của một chất lỏng lên gấp 2 lần, góc khúc xạ của tia sáng đó?

**A.** Tăng gấp hơn 2 lần

**B.** Tăng ít hơn 2 lần

**C.** Cũng tăng gấp 2 lần

**D.** Tăng nhiều hơn hay ít hơn 2 lần là tùy thuộc vào chiết suất của chất lỏng đó nhỏ hay lớn

**Câu 11:** Các đường sức từ của dòng điện thẳng dài có dạng là các đường:

**A.** thẳng vuông góc với dòng điện

**B.** tròn đồng tâm vuông góc với dòng điện

**C.** tròn đồng tâm vuông góc với dòng điện, tâm trên dòng điện

**D.** tròn vuông góc với dòng điện.

**Câu 12:** Ánh sáng mặt trời truyền qua khí quyển đến mắt người quan sát ở bề mặt trái đất theo đường nào kể sau?

**A.** Theo đường gẫy khúc **B.** Theo đường hơi cong

**C.** Theo đường thẳng **D.** Theo đường gợn sóng hình khúc

**Câu 13:** Góc lệch của tia sáng khi truyền qua lăng kính là góc tạo bởi

**A.** hai mặt bên của lăng kính. **B.** tia ló và pháp tuyến.

**C.** tia tới lăng kính và tia ló ra khỏi lăng kính. **D.** tia tới và pháp tuyến.

**Câu 14:** Theo định luật Lenxơ, dòng điện cảm ứng:

**A.** xuất hiện khi trong quá trình mạch kín chuyển động luôn có thành phần vận tốc vuông góc với đường sức từ

**B.** có chiều sao cho từ trường của nó chống lại nguyên nhân làm mạch điện chuyển động.

**C.** xuất hiện khi trong quá trình mạch kín chuyển động luôn có thành phần vận tốc song song với đường sức từ

**D.** có chiều sao cho từ trường của nó chống lại nguyên nhân sinh ra nó

**Câu 15:** Ảnh của một vật qua thấu kính hội tụ

**A.** có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn vật **B.** luôn lớn hơn vật.

**C.** luôn cùng chiều với vật. **D.** luôn nhỏ hơn vật.

**Câu 16:** Đặc trưng cho từ trường tại một điểm là:

**A.** đường cảm ứng từ đi qua điểm đó

**B.** hướng của nam châm thử đặt tại điểm đó

**C.** lực tác dụng lên một đoạn dây nhỏ có dòng điện đặt tại điểm đó

**D.** Vectơ cảm ứng từ tại điểm đó.

**Câu 17:** Chiều của lực từ tác dụng lên đoạn dây dẫn mang dòng điện, thường được xác định bằng quy tắc:

**A.** bàn tay trái. **B.** vặn đinh ốc 1.

**C.** bàn tay phải. **D.** vặn đinh ốc 2.

**Câu 18:** Công thức nào sau đây là *sai* khi tính độ phóng đại dài của ảnh qua thấu kính?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 19:** Công thức nào sau đây tính cảm ứng từ tại tâm của vòng dây tròn có bán kính R mang dòng điện I:

**A.** B = 2π.10-7I.R **B.** B = 2π.10-7I/R **C.** B = 2.10-7I/R **D.** B = 4π.10-7I/R.

**Câu 20:** Hiện tượng tự cảm **không** xảy ra trong trường hợp :

**A.** Ngắt dòng điện không đổi qua ống dây. **B.** Dòng điện không đổi qua ống dây

**C.** Dòng điện biến đổi qua ống dây **D.** Dòng điện xoay chiều qua ống dây

**II. Tự luận:**

1. Một khung dây có diện tích 40cm2, gồm 100 vòng dây, đặt trong một từ trường đều có cảm ứng từ B = 0,3T có vectơ cảm ứng từ hợp với mặt phẳng khung dây một góc 300. Tính từ thông gửi qua khung dây?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

1. Chiếu một tia sáng đi từ không khí tới môi trường có chiết suất n = 4/3 dưới góc tới i = 60o thì góc lệch giữa tia ló và tia tới là bao nhiêu?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

1. Một thấu kính hội tụ có tiêu cự 20cm. Một đoạn sáng AB = 2cm đặt vuông góc với trục chính (A trên trục chính), cách thấu kính 1 đoạn 40cm.

a) Xác định vị trí, tính chất của ảnh?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

b) Xác định độ lớn, chiều của ảnh?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

1. Đặt vật sáng nhỏ AB vuông góc trục chính của thấu kính có độ lớn tiêu cự 15 cm, cho ảnh ảo cao bằng nửa vật. Tìm vị trí vật ?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS- THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH**  **Họ tên:……………………………………………..**  **Lớp: ……………………………………………….** | | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC (2022-2023)**  **Môn thi: Vật Lý 11 CB.**  **Thời gian: 45 phút. Đề 483** |
| Chữ kí giám thị : | Chữ kí giám khảo: | Điểm: |

**I. Trắc nghiệm:**

**Trả lời câu hỏi trắc nghiệm vào bảng sau:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Trả lời** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Trả lời** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Câu 1:** Chiều của lực từ tác dụng lên đoạn dây dẫn mang dòng điện, thường được xác định bằng quy tắc:

**A.** bàn tay trái. **B.** vặn đinh ốc 1.

**C.** bàn tay phải. **D.** vặn đinh ốc 2.

**Câu 2:** Theo định luật Lenxơ, dòng điện cảm ứng:

**A.** có chiều sao cho từ trường của nó chống lại nguyên nhân sinh ra nó

**B.** có chiều sao cho từ trường của nó chống lại nguyên nhân làm mạch điện chuyển động.\

**C.** xuất hiện khi trong quá trình mạch kín chuyển động luôn có thành phần vận tốc song song với đường sức từ

**D.** xuất hiện khi trong quá trình mạch kín chuyển động luôn có thành phần vận tốc vuông góc với đường sức từ

**Câu 3:** Các đường sức từ của dòng điện thẳng dài có dạng là các đường:

**A.** thẳng vuông góc với dòng điện

**B.** tròn đồng tâm vuông góc với dòng điện

**C.** tròn đồng tâm vuông góc với dòng điện, tâm trên dòng điện

**D.** tròn vuông góc với dòng điện.

**Câu 4:** Đặc trưng cho từ trường tại một điểm là:

**A.** đường cảm ứng từ đi qua điểm đó

**B.** hướng của nam châm thử đặt tại điểm đó

**C.** lực tác dụng lên một đoạn dây nhỏ có dòng điện đặt tại điểm đó

**D.** Vectơ cảm ứng từ tại điểm đó.

**Câu 5:** Ảnh của một vật qua thấu kính hội tụ

**A.** có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn vật **B.** luôn nhỏ hơn vật.

**C.** luôn lớn hơn vật. **D.** luôn cùng chiều với vật.

**Câu 6:** Công thức nào sau đây là *sai* khi tính độ phóng đại dài của ảnh qua thấu kính?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 7:** Người ta vận dụng định luật truyền thẳng của ánh sáng vào việc giải thích hiện tượng

**A.** Xảy ra trong sợi quang học. **B.** Tán sắc ánh sáng.

**C.** Nhật thực và nguyệt thực. **D.** Đảo sắc của vạch phổ.

**Câu 8:** Điều kiện đủ để xảy ra hiện tượng phản xạ toàn phần là gì?

**A.** Tia sáng đi từ môi trường chiết quang sang môi trường kém chiết quang.

**B.** Góc tới nhỏ hơn góc giới hạn phản xạ toàn phần.

**C.** Góc tới bằng góc giới hạn phản xạ toàn phần.

**D.** Góc tới lớn hơn hoặc bằng góc giới hạn phản xạ toàn phần.

**Câu 9:** Người ta tăng góc tới của một tia sáng chiếu lên mặt của một chất lỏng lên gấp 2 lần, góc khúc xạ của tia sáng đó?

**A.** Tăng gấp hơn 2 lần **B.** Tăng ít hơn 2 lần

**C.** Cũng tăng gấp 2 lần

**D.** Tăng nhiều hơn hay ít hơn 2 lần là tùy thuộc vào chiết suất của chất lỏng đó nhỏ hay lớn

**Câu 10:** Ánh sáng mặt trời truyền qua khí quyển đến mắt người quan sát ở bề mặt trái đất theo đường nào kể sau?

**A.** Theo đường thẳng **B.** Theo đường hơi cong

**C.** Theo đường gẫy khúc **D.** Theo đường gợn sóng hình khúc

**Câu 11:** Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

**A.** Vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn cho ảnh ảo cùng chiều và nhỏ hơn vật.

**B.** Vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn cho ảnh thật ngược chiều và nhỏ hơn vật.

**C.** Vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn cho ảnh thật ngược chiều và lớn hơn vật.

**D.** Vật thật qua thấu kính phân kỳ luôn cho ảnh ảo cùng chiều và lớn hơn vật.

**Câu 12:** Góc lệch của tia sáng khi truyền qua lăng kính là góc tạo bởi

**A.** hai mặt bên của lăng kính. **B.** tia tới lăng kính và tia ló ra khỏi lăng kính.

**C.** tia tới và pháp tuyến. **D.** tia ló và pháp tuyến.

**Câu 13:** Tại sao vào những ngày nắng nóng, khi đi trên xa lộ bằng ô tô hoặc xe máy nhìn lên phía trước, ta có cảm giác mặt đường bị ướt giống như sau cơn mưa, hoặc tại đó xuất hiện những vũng nước, trên đó có thể nhìn thấy phản xạ của bầu trời hoặc phong cảnh xung quanh. Hiện tượng này xuất hiện là do?

**A.** Khúc xạ của ánh sáng mặt trời qua lớp không khí bị đốt nóng ở phía trên mặt đường

**B.** Khúc xạ của các tia sáng qua mặt đường.

**C.** Phản xạ toàn phần đã xảy ra từ lớp không khí bị đốt nóng (do bực xạ nhiệt) nằm sát mặt đường

**D.** Phản xạ toàn phần của lớp nhựa đường phủ trên xa lộ

**Câu 14:** Độ lớn của suất điện động cảm ứng trong một mạch kín được xác định theo công thức:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 15:** Phát biểu nào sau đây là **không** đúng? Người ta nhận ra từ trường tồn tại xung quanh dây dẫn mang dòng điện vì:

**A.** có lực tác dụng lên một kim nam châm đặt song song cạnh nó.

**B.** có lực tác dụng lên một hạt mang điện chuyển động dọc theo nó.

**C.** có lực tác dụng lên một dòng điện khác đặt song song cạnh nó.

**D.** có lực tác dụng lên một hạt mang điện đứng yên đặt bên cạnh nó.

**Câu 16:** Chiếu một tia sáng tới một mặt bên của lăng kính thì :

**A.** đường đi của tia sáng đối xứng qua mặt phân giác của góc ở đỉnh.

**B.** tia ló lệch về phía đáy của lăng kính.

**C.** luôn luôn có tia sáng ló ra ở mặt bên thứ hai của lăng kính.

**D.** tia ló lệch về phía đỉnh của lăng kính.

**Câu 17:** Đơn vị của từ thông là:

**A.** vôn(V) **B.** vêbe(Wb) **C.** tesla(T) **D.** henri(H)

**Câu 18:** Công thức nào sau đây tính cảm ứng từ tại tâm của vòng dây tròn có bán kính R mang dòng điện I:

**A.** B = 2π.10-7I.R **B.** B = 2π.10-7I/R **C.** B = 2.10-7I/R **D.** B = 4π.10-7I/R.

**Câu 19:** Hiện tượng tự cảm **không** xảy ra trong trường hợp :

**A.** Ngắt dòng điện không đổi qua ống dây. **B.** Dòng điện biến đổi qua ống dây

**C.** Dòng điện không đổi qua ống dây. **D.** Dòng điện xoay chiều qua ống dây

**Câu 20:** Lực Lơrenxơ là lực do từ trường tác dụng lên

**A.** ống dây **B.** dòng điện.

**C.** nam châm **D.** hạt mang điện chuyển động.

**II. Tự luận:**

1. Một khung dây có diện tích 40cm2, gồm 100 vòng dây, đặt trong một từ trường đều có cảm ứng từ B = 0,3T có vectơ cảm ứng từ hợp với mặt phẳng khung dây một góc 300. Tính từ thông gửi qua khung dây?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

1. Chiếu một tia sáng đi từ không khí tới môi trường có chiết suất n = 4/3 dưới góc tới i = 60o thì góc lệch giữa tia ló và tia tới là bao nhiêu?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

1. Một thấu kính hội tụ có tiêu cự 20cm. Một đoạn sáng AB = 2cm đặt vuông góc với trục chính (A trên trục chính), cách thấu kính 1 đoạn 40cm.

a) Xác định vị trí, tính chất của ảnh?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

b) Xác định độ lớn, chiều của ảnh?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

1. Đặt vật sáng nhỏ AB vuông góc trục chính của thấu kính có độ lớn tiêu cự 15 cm, cho ảnh ảo cao bằng nửa vật. Tìm vị trí vật ?

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

**SỞ GIÁO DỤC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**TRƯỜNG THCS-THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH**

**MÔN VẬT LÝ 11**

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ HỌC GIỮA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2022-2023**

**I. Trắc nghiệm:** *mỗi câu 0,5 điểm*

**ĐỀ 134**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | B | B | A | D | B | D | C | A | C | A |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đáp án** | C | D | D | D | A | C | A | C | B | B |

**Đề 210**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | C | D | B | D | B | A | D | B | D | C |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đáp án** | B | D | B | C | C | A | A | A | A | C |

**Đề 356**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | D | C | C | B | A | D | B | C | B | D |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đáp án** | C | A | C | D | A | D | A | A | B | B |

**Đề 483**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** | A | A | C | D | A | A | C | D | D | C |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đáp án** | A | B | C | B | D | B | B | B | C | D |

**II. Tự luận:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Câu** | **Nội dung trả lời** | **Điểm** |
| 1 | 1  (1 điểm) | Ф=N.B­.S.cosα  Ф=100.0,3­.40.10-4.cos600  Ф=0,06 Wb | 0,25  0,25  0,5 |
| 2 | 2  (1điểm) | n1sini= n2sinr  1sin600 = 4/3sinr  r = 40030’  D = 600 - 40030’=19030’ | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |
| 3 | 3  (2 điểm) | a)  d’= 40 cm >0 :ảnh thật, cách thấu kính 40cm  b)  : ảnh ngược chiều vật  cao 1cm | 0,25 đ  0,25 đ  0,75 đ  0,25 đ  0, 5 đ |
| 4 | 1  (1 điểm) | -Vật thật, cho ảnh ảo nhỏ hơn vật 🡪 thấu kinh phân kì f=-15cm  -số phóng xạ :  - d’=-d/2 => => d =-f =15cm | 0,25đ  0,25đ  0,5đ |

**Chú ý***:- HS trình bày cách khác và làm đúng vẫn cho điểm tuyệt đối.*

*- Sai đơn vị trừ 0,25 điểm cho toàn bài thi.*

**BẢNG ĐẶC TẢ CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG HỌC KÌ II**

**NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN: VẬT LÝ 11**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Chuẩn kiến thức kĩ năng cần kiểm tra** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **TỪ TRƯỜNG** | IV.1 Từ trường | **Nhận biết:**   * Nêu được từ trường tồn tại ở đâu và có tính chất gì. * Nêu được định nghĩa đường sức từ và các tính chất của nó. * Nêu được các đặc điểm của đường sức từ của thanh nam châm thẳng, của nam châm chữ U. * Biết được khái niệm từ trường đều.   **Thông hiểu:**   * Nắm được đặc điểm đường sức từ của nam châm thẳng * Nắm được đặc điểm đường sức từ của Dòng điện thẳng dài * Nắm đượcđặc điểm đường sức từ của ống dây có dòng điện chạy qua. * Sử dụng quy tắc nắm bàn tay phải để xác định chiều của đường sức từ trong một số trường hợp * Hiểu đường sức của từ trường đều là những đường thẳng song song cách đều nhau. * Hiểu chiều của đường sức trùng với hướng Nam - Bắc của kim nam châm thử đặt trong từ trường. | 1 | 1 |  |  |
| 2 | IV.2 Lực từ- Cảm ứng từ | **Nhận biết:**   * Phát biểu được định nghĩa và nêu được phương, chiều của cảm ứng từ tại một điểm của từ trường. Nêu được đơn vị đo cảm ứng từ. * Biết công thức tính lực từ tác dụng lên đoạn dây dẫn có dòng điện chạy qua đặt trong từ trường đều.   **Thông hiểu:**   * Hiểu được công thức tính lực từ tác dụng lên đoạn dây dẫn có dòng điện chạy qua đặt trong từ trường đều.   Sử dụng được quy tắc bàn tay trái đề xác định chiều lực từ tác | 1 | 1 |  |  |
| 3 | IV.3 Từ trường của dòng điện chạy trong dây dẫn có hình dạng đặc biệt | **Nhận biết:**   * Biết công thức tính cảm ứng từ tại một điểm trong từ trường gây bởi dòng điện thẳng dài vô hạn. * Biết công thức tính cảm ứng từ tại một điểm trong lòng ống dây có dòng điện chạy qua.   **Thông hiểu:**   * Xác định được độ lớn, phương, chiều của vectơ cảm ứng từ tại một điểm của dòng điện thẳng dài. * Xác định được độ lớn, phương, chiều của vectơ cảm ứng từ tại tâm của dòng điện tròn.   Xác định được độ lớn, phương, chiều của vectơ cảm ứng từ tại một điểm trong lòng ống dây có dòng điện chạy qua. | 2 | 1 |  |  |
| 4 | IV.4 Lực Lorenxơ | **Nhận biết:**   * Nêu được khái niệm lực Lo-ren-xơ. * Biết công thức tính lực Lo-ren-xơ. | 1 |  |  |  |
| 5 | **TỪ THÔNG- CẢM ỨNG TỪ- SUẤT ĐIỆN ĐỘNG CẢM ỨNG** | V.1 Từ thông | **Thông hiểu :** áp dụng được công thức tính từ thông | 2 |  |  |  |
| 6 | V.2 Cảm ứng điện từ | **Thông hiểu :** áp dụng được công thức tính giá trị suất điện động cảm ứng.  **Nhận biết:**  phát biểu được định luật Faraday- Viết được biểu thức | 1 | 1 |  |  |
| 7 | V.3 Tự cảm | **Nhận biết:**   * Nắm được khái niệm độ tự cảm, đơn vị đo độ tự cảm.. * Nêu được định nghĩa hiện tượng tự cảm * Biết khái niệm suất điện động tự cảm | 1 |  |  |  |
| 8 | **KHÚC XẠ ÁNH SÁNG- PHẢN XẠ TOÀN PHẦN** | VI.1. Khúc xạ ánh sáng | **Nhận biết:**   * Phát biểu được định luật khúc xạ ánh sáng * Biết khái niệm chiết suất tỉ đối. * Biết khái niệm chiết suất tuyệt đối.   **Thông hiểu:**   * Hiểu định luật khúc xạ ánh sáng. * Nắm được khái niệm chiết suất tỉ đối, chiết suất tuyệt đối và công thức liên hệ giữa chúng.   **Vận dụng:**   * Vận dụng các hệ thức trong định luật khúc xạ ánh sáng để tính chiết suất, góc tới, góc khúc xạ ... | 1 | 1 | 1 |  |
| 9 | VI.2. Phản xạ toàn phần | **Nhận biết:**   * Biết thí nghiệm về hiện tượng phản xạ toàn phần. * Nêu được khái niệm phản xạ toàn phần. * Biết điều kiện để xảy ra phản xạ toàn phần * Biết công thức tính góc giới hạn phản xạ toàn phần.   **Thông hiểu:**   * Mô tả được thí nghiệm về hiện tượng phản xạ toàn phần. * Nắm được khái niệm phản xạ toàn phần, điều kiện để xảy ra phản xạ toàn phần và công thức tính góc giới hạn phản xạ toàn phần. | 1 | 1 |  |  |
| 10 | **MẮT. CÁC DỤNG CỤ QUANG HỌC** | VII.1.Lăng kính | **Nhận biết:**   * Nắm được cấu tạo của lăng kính * Biết đường truyền của tia sáng qua lăng kính, khi có tia ló ra khỏi lăng kính, thì tia ló bao giờ cũng lệch về phía đáy lăng kính so với tia tới.   **Thông hiểu:**   * Góc tạo bởi tia ló ra khỏi lăng kính và tia tới đi vào lăng kính, gọi là góc lệch D của tia sáng khi truyền qua lăng kính.   Biếtđường truyền của tia sáng qua lăng kính | 1 | 1 |  |  |
| 11 | VII.2.Thấu kính mỏng | **Nhận biết:** biết được thấu kính là thấu kính gì.  **Thông hiểu:** vẽ hình minh họa.  **Vận dụng thấp:** Tính được tiêu cự, tính được vị trí ảnh, xác định được vị trí ảnh, tính chất ảnh.  **Vận dụng cao:**  Tính được vị trí của vật tới màn. | 1 | 2 | 1 | 1 |
| 12 | VII.3. Mắt |  |  |  |  |  |
| 13 | VII.4. Kính lúp- kính hiển vi- kính thiên văn |  |  |  |  |  |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ HỌC KỲ II**

**NĂM HỌC 2022 - 2023**

**MÔN: VẬT LÝ LỚP 11**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **stt** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** | **đơn vị kiến thức** | | **CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | | | | | | | | | | | | | | | | | **tổng số câu** | | **Tổng thời gian** | **tỉ lệ %** | | |
| **NHẬN BIÊT** | | | | | **THÔNG HIỂU** | | | | **VẬN DỤNG** | | | | **VẬN DỤNG CAO** | | | |  | |  |  | |
| **chTN** | | **Thời gian** | **ch TL** | **Thời gian** | **chTN** | **Thời gian** | **ch TL** | **Thời gian** | **chTN** | **Thời gian** | **ch TL** | **Thời gian** | **chTN** | **Thời gian** | **ch TL** | **Thời gian** | **chTN** | **chTL** |  |  | | |
| 1 | **TỪ TRƯỜNG** | IV.1 Từ trường | | 1 | | 1 |  |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 0 | 2 | 4.44% | | |
| 2 | IV.2 Lực từ- Cảm ứng từ | | 1 | | 1 |  |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 0 | 2 | 4.44% | | |
| 3 | IV.3 Từ trường của dòng điện chạy trong dây dẫn có hình dạng đặc biệt | | 2 | | 2 |  |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 3 | 0 | 3 | 6.67% | | |
| 4 | IV.4 Lực Lorenxơ | | 1 | | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0 | 1 | 2.22% | | |
| 5 | **TỪ THÔNG- CẢM ỨNG TỪ- SUẤT ĐIỆN ĐỘNG CẢM ỨNG** | V.1 Từ thông | | 1 | | 1 | 1 | 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 | 5 | 11.11% | | |
| 6 | V.2 Cảm ứng điện từ | | 1 | | 1 |  |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 0 | 2 | 4.44% | | |
| 7 | V.3 Tự cảm | | 1 | | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0 | 1 | 2.22% | | |
| 8 | **KHÚC XẠ ÁNH SÁNG** | 3.1. Khúc xạ ánh sáng. Phản xạ toàn phần | | 2 | | 2 |  |  | 2 | 2 |  |  |  |  | 1 | 5 |  |  |  |  | 4 | 1 | 9 | 20.00% | | |
| 9 | **MẮT. CÁC DỤNG CỤ QUANG HỌC** | VII.1.Lăng kính | | 1 | | 1 |  |  | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 0 | 2 | 4.44% | | |
| 10 | VII.2.Thấu kính mỏng | | 1 | | 1 |  |  | 1 | 1 | 1 | 5 |  |  | 1 | 5 |  |  | 1 | 6 | 2 | 3 | 18 | 40.00% | | |
| 11 | VII.3. Mắt | |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | - | 0 | 0 | 0.00% | | |
| 12 | VII.4. Kính lúp- kính hiển vi- kính thiên văn | |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | - | 0 | 0 | 0.00% | | |
| **tổng** | | |  | | **12** | **12** | **1** | **4** | **8** | **8** | **1** | **5** | **0** | **0** | **2** | **10** | **0** | **0** | **1** | **6** | **20** | **5** | **45** | 100% |
| **tỉ lệ** | | |  | | 40% | | | | 30% | | | | 20% | | | | 10% | | | |  |  |  | 100% | |
| **tổng điểm** | | |  | | **4** | | | | **3** | | | | **2** | | | | **1** | | | |  |  |  | 100% | |

**BẢNG TÍNH THỜI LƯỢNG KIẾN THỨC HỌC KÌ II**

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

**MÔN: VẬT LÝ LỚP 11**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **stt** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** | **ĐƠN VỊ KIẾN THỨC** | **Thời lượng giảng dạy (tiết)** | **tỉ lệ %** | **số điểm tương đương** | **số điểm cân chỉnh** | **tỉ lệ % sau cân chỉnh** | **tổng số điểmTN** | **tổng số điểm TL** |
|  |
|  |
| 1 | **TỪ TRƯỜNG** | IV.1 Từ trường | 1 | 4.55% | 0.45 | 0.5 | 5% | 0.5 | 0 |  |
| 2 | IV.2 Lực từ- Cảm ứng từ | 1 | 4.55% | 0.45 | 0.5 | 5% | 0.5 | 0 |  |
| 3 | IV.3 Từ trường của dòng điện chạy trong dây dẫn có hình dạng đặc biệt | 2 | 9.09% | 0.91 | 0.75 | 8% | 0.75 | 0 |  |
| 4 | IV.4 Lực Lorenxơ | 2 | 9.09% | 0.91 | 0.25 | 3% | 0.25 | 0 |  |
| 5 | **TỪ THÔNG- CẢM ỨNG TỪ- SUẤT ĐIỆN ĐỘNG CẢM ỨNG** | V.1 Từ thông | 2 | 9.09% | 0.91 | 1.25 | 13% | 0.25 | 1 |  |
| 6 | V.2 Cảm ứng điện từ | 2 | 9.09% | 0.91 | 0.50 | 5% | 0.5 |  |  |
| 7 | V.3 Tự cảm | 2 | 9.09% | 0.91 | 0.25 | 3% | 0.25 | 0 |  |
| 8 | **KHÚC XẠ ÁNH SÁNG- PHẢN XẠ TOÀN PHẦN** | VI.1.Khúc xạ ánh sáng | 2 | 9.09% | 0.91 | 1.5 | 15% | 0.5 | 1 |  |
| 9 | VI.2.Phản xạ toàn phần | 2 | 9.09% | 0.91 | 0.5 | 5% | 0.5 |  |  |
| 10 | **MẮT. CÁC DỤNG CỤ QUANG HỌC** | VII.1.Lăng kính | 2 | 9.09% | 0.91 | 0.5 | 5% | 0.5 | 0 |  |
| 11 | VII.2.Thấu kính mỏng | 4 | 18.18% | 1.82 | 3.5 | 35% | 0.5 | 3 |  |
| 12 | VII.3. Mắt |  | 0.00% | 0 | 0 | 0% | 0 | 0 |  |
| 13 | VII.4. Kính lúp- kính hiển vi- kính thiên văn |  | 0.00% | 0 | 0 | 0% | 0 | 0 |  |
| ***tổng*** | |  | *22* | 100.00% | 10 | 10 | 100% | 5 | 5 |  |
| ***tỉ lệ*** | |  | 100% |  |  |  |  |  |  |  |
| ***tổng điểm*** | |  | 10,00 |  |  |  |  |  |  |  |

**Duyệt của TTCM Người thực hiện**